

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 45/2021/HS-ST
Ngày 17-11-2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Phúc

Bà Nguyễn Thị Ánh Gương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Chiến- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2021/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

- Họ và tên: Phạm Phúc H; tên gọi khác: P; sinh năm 1984; tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp L, xã P, huyện T, Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S, sinh năm 1961 và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 08/10/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/4/2008; Ngày 28/8/2009, tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xử phạt 01 tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù năm 2010, đã được xóa án tích; tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1/ Bà Võ Thị N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, Đồng Tháp.

2/ Ông Đào Văn X, sinh năm 1961;

3/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Bà H có mặt tại phiên tòa, ông X, bà C và bà B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/6/2021, bà Nguyễn Thị H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66N1-213.02, nhãn hiệu HONDA, loại xe weve RSX, chở bà Võ Thị N đến nhà ông Đào Văn X tại ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp chơi.

Khi đến trước cửa nhà ông X, bà H có gặp Phạm Phúc H (có quen biết từ trước) đang đứng bên hàng rào cấp nhà ông X nên có nói chuyện qua lại với H. Trong lúc nói chuyện với H, bà H có lấy tiền 7.500.000 đồng trong người để vào cốp xe, do sơ xuất nên tiền bị rơi xuống đất, sau đó bà H nhặt và để tiền vào bên trong cốp xe cất, lúc này H đứng gần đó nhìn thấy và nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên. Sau khi cất tiền trong cốp xe xong, bà H vào nhà ông X chơi.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, lợi dụng lúc không ai chú ý quan sát, H lén lút trèo qua hàng rào lưới B40, đi đến chiếc xe của bà H dùng tay nâng cốp xe lên lấy trộm tiền để vào túi áo, rồi leo qua hàng rào tẩu thoát. H kiểm tra số tiền có mệnh giá từ 10.000 đồng đến 500.000 đồng, số lượng cụ thể từng mệnh giá thì không nhớ rõ, nhưng xác định số tiền chiếm đoạt khoảng 7.500.000 đồng, H sử dụng tiền trộm vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bà H đi ra xe để chở bà N về nhà thì phát hiện tài sản để trong cốp xe bị mất trộm nên đi trình báo Cơ quan Công an. Qua xem camera an ninh tại nhà ông X, Công an xã P phát hiện camera có ghi lại cảnh H trèo hàng rào đột nhập vào sân nhà ông X, nên mời H làm việc nhưng lúc này H không có mặt tại địa phương (do H lấy tiền trộm đi nhậu với bạn). Đến trưa ngày 22/6/2021, H mới có mặt tại nhà, Công an xã P mời về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an H đã thừa nhận hành vi lấy trộm tiền của bà H và tự nguyện giao nộp số tiền 307.000 đồng, là tiền H chiếm đoạt của bà H nhưng chưa tiêu xài.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ trên người của H số tiền Việt Nam mà H trộm còn lại 307.000 đồng;
- Thu giữ của H: 01 áo thun, màu xanh, dài tay, mặt sau có dòng chữ "HAI TÙNG", đã qua sử dụng; 01 quần sọt, có sọc ô vuông trắng đen, đã qua sử dụng; 01

nón tai bèo, màu xanh, có lô gô “VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM” đã qua sử dụng. Số vật chứng trên là trang phục H đã mất khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản;

- 02 đoạn video được trích xuất từ camera tại nhà ông Đoàn Văn X, ghi lại quá trình H đột nhập vào sân nhà trộm cắp tài sản.

Về dân sự: Bà H yêu cầu H bồi thường số tiền bị mất trộm là 7.500.000 đồng, H thống nhất bồi thường số tiền theo yêu cầu của bà H, tuy nhiên do điều kiện khó khăn nên chưa có khả năng trả tiền ngay .

Tại cơ quan điều tra, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của H phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, lời khai bà H, dữ liệu trích xuất camera tại hiện trường, nhân chứng và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số: 47/CT-VKS-TN ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đã truy tố bị cáo Phạm Phúc H về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Phúc H khai nhận hành vi phạm tội của mình, đúng với nội dung bản cáo trạng đã quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tại phiên tòa, sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa cùng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Phạm Phúc H về tội “Trộm cắp tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) 06 (Sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584; 585; 586 và 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền đã trộm là 7.500.000 đồng, trừ đi 307.000 đồng, số tiền bồi thường cho bị hại là 7.193.000 đồng.

Hoàn trả cho bà H số tiền 307.000 đồng, đây là số tiền mà bị cáo trộm còn lại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 áo thun, màu xanh, dài tay, mặt sau có dòng chữ “HAI TÙNG”, đã qua sử dụng; 01 quần sọt, có sọc ô vuông trắng đen, đã qua sử dụng; 01 nón tai bèo, màu xanh, có lô gô “VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM” đã qua sử dụng, các vật chứng trên, bị cáo mất lúc thực hiện tội phạm.

Đề nghị lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD bên trong có: 02 đoạn clip được trích xuất từ camera, ghi lại diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và những chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, đã có đủ cơ sở để chứng minh rằng:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/6/2021, bà Nguyễn Thị H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66N1-213.02, nhãn hiệu HONDA, loại xe weve RSX, chở bà Võ Thị N đến nhà ông Đào Văn X tại ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp chơi.

Khi đến trước cửa nhà ông X, bà H gặp bị cáo (có quen biết từ trước) đang đứng bên hàng rào cặp nhà ông X nên có nói chuyện qua lại với nhau. Trong lúc nói chuyện, bà H có lấy tiền 7.500.000 đồng trong người để vào bóp xe, do sơ xuất nên tiền bị rơi xuống đất, sau đó bà H nhặt và để tiền vào bên trong bóp xe cất, lúc này bị cáo đứng gần đó nhìn thấy và nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên. Sau khi cất tiền trong bóp xe xong, bà H vào nhà ông X chơi.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, lợi dụng lúc không ai chú ý quan sát, bị cáo lén lút trèo qua hàng rào lưới B40, đi đến chiếc xe của chị H dùng tay nâng bóp xe lên lấy trộm tiền để vào túi áo, rồi leo qua hàng rào tẩu thoát. Sau khi lấy tiền xong, bị cáo kiểm tra số tiền có mệnh giá từ 10.000 đồng đến 500.000 đồng, số lượng cụ thể từng mệnh giá thì không nhớ rõ, nhưng xác định số tiền chiếm đoạt khoảng 7.500.000 đồng, số tiền trộm được bị cáo dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bà H đi ra xe để chở bà N về nhà thì phát hiện tài sản để trong bóp xe bị mất trộm nên đi trình báo Cơ quan Công an. Qua xem camera an ninh tại nhà ông X, Công an xã P phát hiện camera có ghi lại cảnh bị cáo trèo hàng rào đột nhập vào sân nhà ông X nên Công an xã P mời về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an, bị cáo đã thừa nhận hành vi lấy trộm tiền của bà H và tự nguyện giao nộp số tiền 307.000 đồng, là tiền bị cáo trộm của bà H nhưng chưa tiêu xài.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, đã gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã lén lút lấy cắp tài sản của bà H với số tiền là 7.500.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Phúc H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Tất cả tài sản đều do con người lao động vất vả để tạo nên, do đó quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo hộ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Bản thân bị cáo có khả năng nhận thức được điều này, nhưng vì lòng tham, lười biếng lao động, lại muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng, mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, lén lút lấy cắp tài sản của người khác, để nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân mình. Hiện nay nạn trộm cắp đang có chiều hướng gia tăng, nhiều gia đình mất đi tài sản là những công cụ, phương tiện lao động chính để tạo ra thu nhập, nuôi sống gia đình, nạn trộm cắp này khiến chúng nhân dân hết sức bất bình, phẫn nộ. Mặt khác, bản thân bị cáo có nhân thân xấu, 2 lần bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù, nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải, tại phiên tòa, bị cáo không đồng ý bồi thường lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho bị hại, nghĩ nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự.

[7] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo sống bằng nghề làm thuê, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận số tiền bị cáo trộm của bà H là 7.500.000đ, sau khi bị phát hiện bị cáo có giao nộp số tiền là 307.000đ, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài hết, không thu hồi được, nghĩ nên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường lại cho bà H số tiền chiếm đoạt 7.193.000đ, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 áo thun, màu xanh, dài tay, mặt sau có dòng chữ “HAI TÙNG”, đã qua sử dụng; 01 quần sọt, có sọc ô vuông trắng đen, đã qua sử dụng; 01 nón tai bèo, màu xanh, có lô gô “VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM”

đã qua sử dụng của bị cáo mặc lúc thực hiện tội phạm không có giá trị, nghĩ nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Đối với 01 đĩa DVD, bên trong có 02 đoạn clip được trích xuất từ camera, ghi lại diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo nghĩ nên tịch thu lưu hồ sơ làm chứng cứ của vụ án là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Phúc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Phúc H 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 584; 585; 586 và 589 Bộ luật dân sự tuyên xử:

Buộc bị cáo Phạm Phúc H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền chiếm đoạt là 7.193.000đ (bảy triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị H được đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông để nhận số tiền 307.000 đồng (Ba trăm lẻ bảy nghìn đồng) tiền bị cáo trộm còn lại.

3/ Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên xử:

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun màu xanh, dài tay, mặt sau có dòng chữ “HAI TÙNG”, đã qua sử dụng; 01 quần sọt, có sọc ô vuông trắng đen, đã qua sử dụng; 01 nón tai bèo, màu xanh, có lô gô “VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM” đã qua sử dụng của bị cáo mặc lúc thực hiện tội phạm.

Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2021.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD bên trong có 02 đoạn clip được trích xuất từ camera, ghi lại diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo.

4/ Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Bị cáo Phạm Phúc H phải nộp 200.000đ, tiền án phí hình sự sơ thẩm và 359.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 559.500đ (Năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng)

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ